

THUYẾT MINH CHUYỂN NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2024 SANG NĂM 2025 XÃ BA ĐỘNG

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chương trình/dự án/tiểu dự án	Đơn vị dự toán	Mã CT MT	Kinh phí giao năm 2024					Giá trị thanh toán khối lượng đến hết ngày 31.01.2025					Kinh phí năm 2024 còn lại					Kinh phí năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 thực hiện và thanh toán					Còn nhiệm vụ chi	Hết nhiệm vụ chi	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn giao trong năm	Tổng số	Trong đó			Năm 2024	Tổng số	Trong đó			Năm 2024				
					Năm trước chuyển sang				Thanh toán năm trước chuyển sang					Năm trước chuyển sang					Năm trước chuyển sang							
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						
						Năm 2022	Năm 2023			Năm 2022	Năm 2023				Năm 2022	Năm 2023				Năm 2022	Năm 2023					
A	B	C	1=2+5	2=3+4	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15	16=17+20	17=18+19	18	19	20	258.275.000	7.217.000		
	Cộng (I+II+III)		400.045.080	392.045.080	1.580.080	390.465.000	8.000.000	117.973.000	117.973.000	0	117.973.000	0	282.072.080	274.072.080	1.580.080	272.492.000	8.000.000	274.855.080	266.855.080	1.580.080	265.275.000	8.000.000	258.275.000	7.217.000		
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		340.045.080	332.045.080	1.580.080	330.465.000	8.000.000	117.973.000	117.973.000	0	117.973.000	0	222.072.080	214.072.080	1.580.080	212.492.000	8.000.000	214.855.080	206.855.080	1.580.080	205.275.000	8.000.000	198.275.000	7.217.000		
	Ngân sách huyện		60.000.000	60.000.000	0	60.000.000	0	0	0	0	0	0	60.000.000	60.000.000	0	60.000.000	0	60.000.000	60.000.000	0	60.000.000	0	60.000.000	0		
I	Giảm nghèo																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh																									
	Ngân sách huyện																									
1	Dự án																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh																									
	Ngân sách huyện																									
1.1	Tiểu Dự án																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh																									
	Ngân sách huyện																									
II	Chương trình Nông thôn mới		400.045.080	392.045.080	1.580.080	390.465.000	8.000.000	117.973.000	117.973.000	0	117.973.000	0	282.072.080	274.072.080	1.580.080	272.492.000	8.000.000	274.855.080	266.855.080	1.580.080	265.275.000	8.000.000	258.275.000	7.217.000		
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		340.045.080	332.045.080	1.580.080	330.465.000	8.000.000	117.973.000	117.973.000	0	117.973.000	0	222.072.080	214.072.080	1.580.080	212.492.000	8.000.000	214.855.080	206.855.080	1.580.080	205.275.000	8.000.000	198.275.000	7.217.000		
	Ngân sách huyện		60.000.000	60.000.000	0	60.000.000	0	0	0	0	0	0	60.000.000	60.000.000	0	60.000.000	0	60.000.000	60.000.000	0	60.000.000	0	60.000.000	0		
1	Nội dung thành phần 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá		00491	300.000.000			300.000.000		41.725.000		0	41.725.000		258.275.000		0	258.275.000		258.275.000		0	258.275.000	0	258.275.000		
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		240.000.000	240.000.000		240.000.000		41.725.000	41.725.000		41.725.000		198.275.000	198.275.000		198.275.000		198.275.000	198.275.000		198.275.000	0	198.275.000			
	Ngân sách huyện		60.000.000	60.000.000		60.000.000		0	0		0		60.000.000	60.000.000		60.000.000		60.000.000	60.000.000		60.000.000	0	60.000.000			
1.1	Nội dung 1: Quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021 - 2025			300.000.000			300.000.000		41.725.000		0	41.725.000		258.275.000		0	258.275.000		258.275.000		0	258.275.000	0	258.275.000		
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		240.000.000	240.000.000		240.000.000		41.725.000	41.725.000		41.725.000		198.275.000	198.275.000		198.275.000		198.275.000	198.275.000		198.275.000	0	198.275.000			
	Ngân sách huyện		60.000.000	60.000.000		60.000.000		0	0		0		60.000.000	60.000.000		60.000.000		60.000.000	60.000.000		60.000.000	0	60.000.000			
2	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.		00492	235.000	235.000	0	235.000	0	0	0	0	0	0	235.000	235.000	0	235.000	0	0	0	0	0	0	0	235.000	Hết nhu cầu và nhiệm vụ chi (Số dự phòng chi trong DT, SC công trình còn lại sau đấu tư)
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		235.000	235.000		235.000		0	0		0		235.000	235.000		235.000								235.000		
	Ngân sách huyện																									
3	Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống		00496	76.280.000	76.280.000	0	76.280.000	0	76.248.000	76.248.000	0	76.248.000	0	32.000	32.000	0	32.000	0	0	0	0	0	0	0	32.000	Hết nhu cầu và nhiệm vụ chi (Quá trình lập và phê duyệt dự toán cho dự án không thể làm tròn bằng số vốn giao)
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		76.280.000	76.280.000		76.280.000		76.248.000	76.248.000		76.248.000		32.000	32.000		32.000	0	0	0	0	0	0	0	32.000		
	Ngân sách huyện																									
3.1	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế văn hóa thể thao cơ sở																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		76.280.000	76.280.000		76.280.000		76.248.000	76.248.000		76.248.000		32.000	32.000		32.000								32.000		
	Ngân sách huyện																									
4	Nội dung thành phần 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan thôn sáng-xanh-sạch-đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam		00497	6.950.000	6.950.000	0	6.950.000	0	0	0	0	0	0	6.950.000	6.950.000	0	6.950.000	0	0	0	0	0	0	0	6.950.000	Hết nhu cầu và nhiệm vụ chi (Chênh lệch số thực tế và dự toán vì không chi thăm định giá và tổng kết mô hình)
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		6.950.000	6.950.000		6.950.000		0	0		0		6.950.000	6.950.000		6.950.000								6.950.000		
	Ngân sách huyện																									
4.1	Nội dung 05 (Hỗ trợ và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sinh - sạch-đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu)																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh		6.950.000	6.950.000		6.950.000							6.950.000	6.950.000		6.950.000								6.950.000		
	Ngân sách huyện																									

TT	Chương trình/dự án/tiểu dự án	Đơn vị dự toán	Mã CT MT	Kinh phí giao năm 2024				Giá trị thanh toán khối lượng đến hết ngày 31.01.2025				Kinh phí năm 2024 còn lại				Kinh phí năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 thực hiện và thanh toán					Còn nhiệm vụ chi	Hết nhiệm vụ chi	Ghi chú			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó									
					Năm trước chuyển sang		Năm 2024		Thanh toán năm trước chuyển sang		Thanh toán vốn giao trong năm		Năm trước chuyển sang		Năm 2024		Năm trước chuyển sang		Năm 2024							
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó												
						Năm 2022				Năm 2023				Năm 2022			Năm 2023	Năm 2022		Năm 2023			Năm 2022	Năm 2023		
A	B		C	1=2+5	2=3+4	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15	16=17+20	17=18+19	18	19	20			
5	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM		00502	16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000						16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000	16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000			
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh			16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000						16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000	16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000			
	Ngân sách huyện																									
5.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng;			16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000						16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000	16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000			
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh			16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000						16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000	16.580.080		1.580.080	7.000.000	8.000.000			
	Ngân sách huyện																									
III	Chương trình mục tiêu quốc gia PTKTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh																									
	Ngân sách huyện																									
1	Dự án.....																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh																									
	Ngân sách huyện																									
	Tiểu dự án																									
	Ngân sách Trung ương																									
	Ngân sách tỉnh																									
	Ngân sách huyện																									

Lưu ý: nội dung còn nhiệm vụ chi, hết nhiệm vụ chi phải phân tích theo từng năm tương tự như cột chuyển nguồn